

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 09 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lưu Thông** – Nguyên Hiệu trưởng trường Tiểu học số 3 thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;

2- Bà **Nguyễn Thị Chín** – Nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học số 1 thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Kỳ** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST, ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **V**, sinh năm: 1992 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT: Làng LB, xã AY, huyện MY, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Làng Bông Hiot, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, con ông: DJun, sinh năm 1960 và bà Chem, sinh năm 1967 (đã chết); có vợ là Broi, sinh năm 1991 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 25/2011/HSST, bị cáo đã chấp hành xong và về địa phương sinh sống (*Đã được xóa án tích*), gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2017 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đak Đoa, có mặt tại phiên tòa.

2. **K**, sinh năm: 1988 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT: Làng B, xã ĐY, huyện MY, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Làng Bông Hiot, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, con ông MLôh, sinh năm: 1959 và bà Hiun, sinh năm: 1959; gia đình có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1995, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; bị cáo có vợ

là Luei, sinh năm 1984 và 05 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2017 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đak Đoa, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo V và K:** Ông Trần Văn M- Luật sư cộng tác viên Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai.

- **Người bị hại:** Anh Vũ Minh K, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 16, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Anh Phạm Văn Tuấn, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Anh Vũ Thanh Phương, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- **Người phiên dịch:** Ông Hoàng A Chăng

Địa chỉ: Cán bộ Hội nông dân thị trấn Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/8/2017, sau khi uống rượu với nhau tại nhà của gia đình V ở Làng Bông Hiot, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai thì V rủ K đi đến rẫy của anh Vũ Minh K ở cùng làng để tìm bắt rắn. K đồng ý và điều khiển xe mô tô (không có biển số) đã mượn trước đó của anh Nguyễn Văn Dũng chở V đi đến rẫy nhà anh Khuyến. Cả hai để xe mô tô ở gốc cây Thông cách khoảng 200m rồi đi bộ đến nhà rẫy của anh Khuyến thì không thấy có người trông coi. Lúc này, K nhìn thấy chiếc máy cắt cỏ để trước hiên nhà rẫy của anh Khuyến nên nói với V: “*Cái máy kia*” nhằm mục đích rủ V trộm cắp chiếc máy này. Đồng thời K chạy đến vác chiếc máy cắt cỏ mang ra vị trí để xe mô tô. Biết K lấy trộm chiếc máy cắt cỏ của anh Khuyến nên V đồng ý và chạy theo. V lấy xe mô tô rồi nổ máy và điều khiển chở K ngồi phía sau vác chiếc máy cắt cỏ đi đến nhà anh Vũ Thanh Phương (sinh năm 1986) tại Thôn 1, xã HY, huyện ĐĐ để bán. Anh Phương hỏi bán giá bao nhiêu thì K nói 800.000 đồng. Anh Phương hỏi K: “*Máy ở đâu mà bán*” thì K trả lời: “*Máy của nhà, do vợ mới đẻ, không có tiền nên bán*”. Anh Phương không mua mà gọi điện cho anh Phạm Văn Tuấn đến để mua chiếc máy cắt cỏ trên. Khoảng 05 phút sau, anh Tuấn đến và hỏi V, K bán máy cắt cỏ với giá bao nhiêu thì K nói 800.000 đồng. Anh Tuấn nói 400.000 đồng thì V và K đồng ý, V nói anh Tuấn đưa thêm 20.000 đồng nhưng anh Tuấn chỉ còn 16.000 đồng nên đưa cho V. Số tiền này, V lấy 150.000 đồng, K lấy 170.000 đồng, còn lại cả hai tiêu xài hết.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Khuyến đi vào nhà rẫy thì phát hiện bị mất máy cắt cỏ nên cho người nhà đi tìm và trình báo Công an xã Hải Yang. Đến ngày

10/8/2017, biết chiếc máy cắt cỏ mà mình đã mua là của anh Vũ Minh K bị mất trộm nên Phạm Văn Tuấn đã mang đến Công an xã Hải Yang giao nộp. Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn Tuấn, ngày 11/8/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đak Đoa ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với V, K. Đồng thời, thu giữ chiếc xe mô tô không có biển số, số máy PM01024772, số khung DR10001024772 do anh Nguyễn Văn Dũng giao nộp.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đak Đoa kết luận: 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu MARUYAMA NE420 có trị giá 4.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 60/CTr-VKS, ngày 06/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo V và K về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo V và K theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138 năm 1999; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 46 bộ luật hình sự đối với bị cáo K; xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo K từ 06 đến 09 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Chiếc máy cắt cỏ người bị hại đã nhận, không có yêu cầu gì; chiếc xe mô tô là tài sản của anh Dũng cho bị cáo mượn và anh Dũng không biết việc các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đã trả lại cho anh Dũng.

Đối với số tiền các bị cáo sau khi bán tài sản trộm cắp được 416.000đ thì V lấy 150.000đ, K lấy 170.000đ còn lại 96.000đ đã tiêu xài chung, đây là tiền do phạm tội mà có, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tuấn không có yêu cầu nhận lại nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí, các bị cáo V và K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như Kiểm sát viên đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo V và K phạm tội như sau: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/8/2017, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ ở hữu, các bị cáo V và K đã lấy trộm 01 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu MARUYAMA NE420 của anh Vũ Minh K ở Làng Bông Hiot, xã HY, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đak Đoa kết luận: 01 máy cắt cỏ có trị giá 4.900.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi trộm cắp của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng khi thực hiện hành vi các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với các bị cáo thì cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này, cụ thể: Bị cáo K là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy bị cáo chính là người có vai trò chính, chủ mưu; còn bị cáo V, khi nghe K khởi xướng việc trộm cắp tài sản thì đã không can ngăn mà ngay lập tức đồng ý, bị cáo là người giúp sức nhưng thực hiện hành vi cũng rất tích cực.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo K cơ bản có nhân thân tốt; bị cáo V là người có nhân thân xấu: Ngày 29/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 25/2011/HSST, bị cáo đã chấp hành xong và về địa phương sinh sống (Đã được xóa án tích) nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống trên địa bàn kinh tế khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt. Riêng bị cáo K phạm tội lần đầu thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy sẽ áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp dưới khung hình phạt bằng thời gian đã bị tạm giữ tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, số máy PM0102472, số khung DR100001024772, quá trình điều tra xác định là thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn Dũng cho bị cáo K mượn sử dụng, anh Dũng không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe đi thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu MaRuYaMa NE420 là tài sản các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại anh Vũ Minh K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đoa đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật

Về dân sự: Người bị hại anh Khuyến đã nhận tài sản, không có yêu cầu gì; anh Phạm Văn Tuấn là người mua máy cắt cỏ trên với số tiền 416.000đ nhưng anh không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền này; Tuy nhiên, đây là số tiền các bị cáo do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền này, trong đó bị cáo V lấy 150.000đ, bị cáo K lấy 170.000đ, còn lại 96.000đ các bị cáo tiêu xài chung nên buộc bị cáo V phải nộp số tiền 198.000đ và bị cáo K nộp lại số tiền 218.000đ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo V, K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Kruom,

Xử phạt: Bị cáo V 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 11/8/2017.

Xử phạt: Bị cáo K 05 (năm) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 11/8/2017.

Áp dụng Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên bố trả tự do cho bị cáo K ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999,

Buộc bị cáo V phải nộp lại số tiền 198.000 đồng, buộc bị cáo K nộp lại số tiền 218.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo V và K, mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Công an huyện Đak Đoa;
- Chi cục THADS huyện Đak Đoa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

